TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:79/2022/DS-ST
Ngày 05 tháng 9 năm 2022
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:Bà Phạm Thị Chuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Xuân Hoàng

2, ÔngLê Văn Đô

- Thư ký phiên toà:Bà Dương Thị Huệ- Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa***: Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa mở phiên toà xét xử vụ án dân sự thụ lý số 102/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-DS ngày 01/8/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963. Cư trú: Thôn HL, xã HA, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1971. Cư trú: Xóm ĐH, thôn LY 2, xã HV, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1960. Cư trú: Thôn HL, xã HA, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971. Cư trú: Xóm ĐH, thôn LY 2, xã HV, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên bà có cho ông Nguyễn Văn V vay số tiền là 19.000.000 đồng vào ngày 01/11/2012. Khi vay các bên có viết giấy chứng nhận vay tiền do ông V là người viết giấy biên nhận và trực tiếp ký nhận. Sau đó ông V trực tiếp nhận số tiền mặt trên. Khi vay các bên thoả thuận thời hạn thanh toán là đến ngày 12/5/2013, nội dung này có ghi trong giấy biên nhận. Ngoài ra các bên thoả thuận miệng với nhau tiền lãi theo mức lãi suất 2%/tháng, nhưng việc thoả thuận tiền lãi không ghi vào giấy vay tiền, các bên thỏa thuận tiền lãi được thanh toán hàng tháng. Tuy nhiên đến hạn thanh toán thì anh V không trả bà bất cứ khoản tiền gốc và tiền lãi nào. Bà đã đòi nhiều lần nhưng ông V không trả. Ông V vay tiền mục đích để chi tiêu cho gia đình, bà Nguyễn Thị L là vợ anh Vũ có biết việc ông V vay tiền của bà. Số tiền mà bà cho ông V vay tiền là tài sản chung của vợ chồng bà.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông V bà L trả vợ chồng bà số tiền gốc 19.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 9%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 13/5/2013 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 05/9/2022) là 09 năm 03 tháng 23 ngày nhưng bà chỉ yêu cầu trả lãi trong thời gian là 09 năm 03 tháng với tổng số tiền lãi là 15.817.500 đồng. Tổng số tiền gốc và tiền lãi vợ chồng ông V bà L phải trả cho vợ chồng bà là 34.817.500 đồng.

Do điều kiện công việc nên bà đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà.

* Bị đơn là ông Nguyễn Văn V được thông báo về việc thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L được thông báo về việc thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ, ông Thạch trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị S. Ông có biết việc bà S cho ông V vay tiền, ông chỉ nghe bà S kể lại. Nay bà S khởi kiện yêu cầu anh Vũ trả số tiền gốc 19.000.000 đồng và tiền lãi thì ông hoàn toàn đồng ý. Ông nhất trí với các ý kiến của bà S. Do tuổi cao và ốm đau nên ông đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Các Điều 305, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

+ Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị L trả bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn Th tổng số tiền là 34.817.500 đồng.

+ Về án phí: Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Th đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Nguyễn Văn V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự này.

[2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị S yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị L trả số tiền vay cả gốc và lãi là 34.817.500 đồng. Các bên có giao kết bằng văn bản, ghi rõ số lượng tiền nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản (theo điều 463 của Bộ luật dân sự). Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự nên xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Bà S yêu cầu ông V bà L trả số tiền gốc 19.000.000 đồng thì thấy: Theo lời trình bày của bà S và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định có việc ông V vay của bà S số tiền gốc 19.000.000 đồng và hẹn ngày 12/5/2013 trả. Theo bà S thì ông V

vay tiền của bà để chi tiêu cho gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông V và bà L không đến Toà án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà S. Do đó xác định đây là công nợ chung của ông V và bà L theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Hết thời hạn vay, ông V bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà S. Ông V và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bà S yêu cầu ông V và bà L trả số tiền gốc 19.000.000 đồng là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Bà S yêu cầu ông V và bà L trả số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 15.817.500 đồng thì thấy: Theo lời trình bày của bà S và thoả thuận giữa các bên trong giấy vay tiền thì ngày ông V và bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ là ngày 12/5/2013. Đến hạn trả nợ nhưng ông V và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận. Do vậy xác định ông V bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Bà S yêu cầu ông V bà L trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thời gian tính lãi từ ngày 13/5/2013 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 05/9/2022) là 09 năm 03 tháng 23 ngày nhưng bà chỉ yêu cầu trả lãi trong thời gian là 09 năm 03 tháng theo mức lãi suất 9%/năm với tổng số tiền lãi là 15.817.500 đồng là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[4]- Về án phí: Ông V bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà S được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả bà S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Các Điều 305, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị L trả cho bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn Th tổng số tiền là 34.817.500 đồng.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị L phải chịu 1.740.875 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0008042 ngày 18/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Chuyền